

Số: /QĐ-SCT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu điều chỉnh giảm dự toán thu, chi
Ngân sách nhà nước năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng và nguyên tắc thực hiện tiết kiệm chi Ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 58/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương; số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;

Căn cứ các Quyết định số 202/QĐ-SCT ngày 31/12/2025 của Công Thương về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2026; số 62/QĐ-SCT ngày 31/5/2026 của Sở Công Thương về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước do thực hiện Nghị quyết 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Văn phòng Sở Công Thương số tiền 1.521.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi một triệu đồng chẵn), theo các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và được công khai trên Webstie: socongthuong.hatinh.gov.vn

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Phụ trách Kế toán Sở và các phòng chuyên môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực XII;
- Như Điều 3;
- Webstie Sở;
- Lưu: VT, PTKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Thanh Hòa

**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Giảm dự toán năm 2026	Ghi chú (Chi tiết cụ thể các nội dung chi)
I	Giảm dự toán chi Ngân sách Nhà nước	1.521.000.000	
1	Giảm chi quản lý hành chính (Loại 340 - khoản 341)	713.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	528.000.000	
-	Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên TSCĐ; chi phí xăng xe, điện, nước, điện thoại, internet, văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, công tác phí, hội nghị, tiếp khách, chi thường và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của đơn vị	74.000.000	<i>Điểm c khoản 1.1 mục 1 chi Quản lý nhà nước</i>
-	Kinh phí thực hiện tự chủ	454.000.000	<i>Điểm 1 khoản 1 mục IV kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện ASXH</i>
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	185.000.000	
-	Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo thực hiện Đề án Xuất khẩu tỉnh	5.000.000	
-	Nhiệm vụ đặc thù đột xuất khác	8.000.000	<i>Khoản a,b,c mục 1.3 chi Quản lý nhà nước</i>
-	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban Chỉ đạo Chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (BCĐ 389) (Theo Thông tư số 339/2016/TT-BTC 28/12/2016)	8.000.000	
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	164.000.000	<i>Điểm 2 khoản 1 mục IV kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện ASXH</i>
2	Giảm chi sự nghiệp ngành Công Thương (Loại 280 - khoản 309)	801.000.000	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36.000.000	

-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (Trung tâm)	36.000.000	<i>Điểm 1 khoản 2 mục IV kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện ASXH</i>
2.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	765.000.000	
-	Sự nghiệp loại 280 – khoản 309	506.000.000	
	Tổ chức kiểm tra/làm việc về chấp hành các quy định của pháp luật về hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản, phóng cháy chữa cháy, khí dầu mỏ hóa lỏng...	5.000.000	<i>Điểm b mục 1.1 về phát triển cụm công nghiệp</i>
	Điều tra, khảo sát, thu thập cơ sở dữ liệu để tiến tới số hóa/chuyên đổi số về cơ sở sử dụng VLNCN; CCN; Trạm nạp khí gas; Cơ sở SXKD hóa chất...	6.000.000	
	Công tác kiểm tra, giám sát: (1) hoạt động điện lực và sử dụng điện; (2) Xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện; (3) công tác quản lý chất lượng công trình XD chuyên ngành điện trên toàn tỉnh và Thẩm định các hoạt động thu phí	8.000.000	<i>Điểm a mục 1.2 Lĩnh vực quản lý năng lượng</i>
	Kinh phí hoạt động của Tổ giúp việc nông thôn mới của Sở; thực hiện hoạt động đỡ đầu trong xây dựng nông thôn mới để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM và Đề án tỉnh nông thôn mới	3.000.000	<i>Mục 1.7</i>
	Quảng bá sự nghiệp ngành, thu hút đầu tư trên phương tiện báo chí và truyền hình	20.000.000	<i>Điểm b, đ, h, m, q khoản 1.9</i>
	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, ủy quyền tại các địa phương	18.000.000	
	Chi tổ chức các hoạt động kỷ niệm nhân ngày Doanh nhân Việt Nam thuộc lĩnh vực Công Thương	10.000.000	
	Sơ Kết, tổng kết, thi đua khen thưởng của Ngành	10.000.000	
	Tham gia hội thảo, hội nghị, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn do Bộ, các Cục, Vụ, Viện, ngành, Trung ương, khu vực tổ chức	10.000.000	
	Sự nghiệp loại 280- khoản 309	416.000.000	<i>Điểm 2 khoản 2 mục IV kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện ASXH</i>
-	Sự nghiệp loại 280 - khoản 321	259.000.000	

	Công tác kiểm tra, giám sát: (1) hoạt động điện lực và sử dụng điện; (2) Xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện; (3) công tác quản lý chất lượng công trình XD chuyên ngành điện trên toàn tỉnh và Thẩm định các hoạt động thu phí	40.000.000	<i>Điểm j, mục 1.3 Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu</i>
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)	3.000.000	
	Sự nghiệp loại 280 - khoản 321	216.000.000	<i>Điểm 2 khoản 2 mục IV kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện ASXH</i>